

Số: /CCKL-SDPTR

Bình Định, ngày tháng 11 năm 2022

V/v xây dựng kế hoạch năm 2023 của  
ngành lâm nghiệp

Kính gửi: Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của Sở Nông nghiệp và PTNT tại văn bản số 3069/SNN-KHTH ngày 08/11/2022 về việc xây dựng kế hoạch năm 2023 của ngành Nông nghiệp và PTNT; Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo như sau:

### **1. Thực hiện công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng năm 2022**

a) Công tác bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng khoanh nuôi tái sinh rừng năm 2022: 163.596,03 ha; trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Tiểu dự án 1, dự án 3): 66.316,40 ha; cụ thể:

+ Khoán bảo vệ rừng: 65.595,91 ha;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng: 720,49 ha.

- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025: 92.395,63 ha; cụ thể:

+ Khoán bảo vệ rừng, khoán khoanh nuôi rừng: 50.669,55 ha;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng: 41.726,08 ha ( các công ty lâm nghiệp: 20.048,68 ha, Ban quản lý rừng đặc dụng An Toàn: 21.677,40 ha).

- Khoán từ nguồn vốn dịch vụ môi trường, vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách huyện và vốn tự chủ của đơn vị: 5.244,0 ha.

### **2. Kế hoạch công tác bảo vệ rừng và phát triển rừng năm 2023**

a) Kế hoạch bảo vệ rừng, khoán bảo vệ rừng khoanh nuôi tái sinh rừng năm 2023: 165.509,63 ha; trong đó:

- Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2030, giai đoạn I: từ năm 2021 đến năm 2025 (Tiểu dự án 1, dự án 3): 67.816,40 ha; cụ thể:

+ Khoán bảo vệ rừng: 67.095,91 ha;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng: 720,49 ha.

- Chương trình phát triển lâm nghiệp bền vững giai đoạn 2021-2025: 92.449,23 ha; cụ thể:

+ Khoán bảo vệ rừng, khoán khoanh nuôi rừng: 50.723,15 ha;

+ Hỗ trợ bảo vệ rừng: 41.726,08 ha ( các công ty lâm nghiệp: 20.048,68 ha, Ban quản lý rừng đặc dụng An Toàn: 21.677,40 ha).

- Khoán từ nguồn vốn dịch vụ môi trường, vốn ngân sách tỉnh, vốn ngân sách huyện và vốn tự chủ của đơn vị: 5.244,0 ha.

( Chi tiết có Phụ biểu 01-05 kèm theo)

## 2. Trồng rừng phòng hộ, sản xuất

a) Kết quả thực hiện năm 2022: Kế hoạch năm 2022, trồng rừng tập trung 8.000 ha (trồng rừng phòng hộ, rừng đặc dụng 160 ha; trồng rừng sản xuất 7.840 ha). Đến hết tháng 10 năm 2022 trồng được 5.702,93 ha. Cụ thể:

- Trồng rừng phòng hộ, đặc dụng: Kế hoạch năm 2022 trồng 160 ha rừng phòng hộ, đặc dụng, gồm: trồng mới 60,0 ha, gồm: Công ty TNHH Lâm nghiệp quy Nhơn thực hiện 50,0ha, Công ty Cổ phần Khoáng sản Bình Định thực hiện 10,0ha; trồng lại rừng sau khai thác 100 ha do các đơn vị: Ban quản lý rừng phòng hộ Hoài Nhơn, Ban quản lý rừng phòng hộ Phù Mỹ, Ban Quản lý rừng phòng hộ Vĩnh Thạnh và Ban quản lý rừng phòng hộ Tây Sơn thực hiện. Đến nay trồng được 138,27 ha, diện tích còn lại, các đơn vị đang tiếp tục thực hiện.

- Trồng rừng sản xuất: Kế hoạch 7.840 ha, do các công ty TNHH Lâm nghiệp, các tổ chức khác và hộ gia đình thực hiện. Đến hết tháng 10 năm 2022 trồng được 5.564,66 ha.

Kết quả cụ thể như biểu dưới đây:

STT	Địa phương	Diện tích (ha)					
		Kế hoạch			Thực hiện		
		Tổng	Phòng hộ	Sản xuất	Tổng	Phòng hộ	Sản xuất
1	An Lão	960,00		960,00	1.117,20		1.117,20
2	Hoài Ân	2.000,00		2.000,00	1.217,16		1.217,16
3	Hoài Nhơn	750,00	6,84	743,16	334,94	4,00	330,94
4	Phù Mỹ	700,00	38,27	661,73	580,20	38,27	541,93
5	Phù Cát	350,49		350,49	538,10		538,10
6	An Nhơn	89,51		89,51	89,51		89,51
7	Quy Nhơn	510,00	50,00	460,00	180,00	40,00	140,00
8	Tuy Phước	290,00		290,00	90,00		90,00
9	Tây Sơn	400,00	50,25	349,75	377,47	48,00	329,47
10	Vĩnh Thạnh	62,00	14,64	47,36	436,86	8,00	428,86
11	Vân Canh	1.888,00		1.888,00	741,49		741,49
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.000,00</b>	<b>160,00</b>	<b>7.840,00</b>	<b>5.702,93</b>	138,27	5.564,66

### b) Kế hoạch trồng rừng năm 2023

Tổng diện tích trồng rừng năm 2023 là 8.000,0 ha, gồm: trồng rừng phòng hộ 160 ha (trồng mới 60,0 ha; trồng lại rừng sau khai thác 100 ha); trồng rừng sản xuất 7.740 ha, chủ yếu là trồng lại rừng sau khai thác. Cụ thể từng huyện như sau:

TT	Địa phương	Diện tích (ha)		
		Tổng	Phòng hộ	Sản xuất
1	An Lão	1.228,0		1.228,0
2	Hoài Ân	1.395,0	5,0	1.390,0
3	Hoài Nhơn	355,0	30,0	325,0
4	Phù Mỹ	300,0	30,0	270,0
5	Phù Cát	667,0		667,0
6	An Nhơn	90,0		90,0
7	Quy Nhơn	310,0	60,0	250,0
8	Tuy Phước	130,0		130,0
9	Tây Sơn	680,0	30,0	650,0
10	Vĩnh Thạnh	395,0	5,0	390,0
11	Vân Canh	2.450,0		2.450,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.000,0</b>	<b>160,0</b>	<b>7.840,0</b>

**\* Trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn**

- Kết quả trồng rừng sản xuất cây gỗ lớn năm 2022 là 4.478,1 ha. Trong đó các Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Quy Nhơn và Sông Kôn thực hiện trồng lại rừng sau khai thác; hộ gia đình, các nhân ở các huyện, thị xã và thành phố Quy Nhơn thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn theo hợp đồng liên kết với Công ty Năng lượng sinh học Phú Tài và Công ty TNHH Năng lượng Sinh học Tín Nhân. Cụ thể diện tích thực hiện theo biểu dưới đây

TT	Đơn vị thực hiện	Thực hiện năm 2022
Tổng		4.478,10
1	Cty TNHH LN Sông Kôn	229,61
2	Cty Lâm nghiệp Hà Thanh	595,30
3	Cty Lâm nghiệp Quy Nhơn	160,7
4	Huyện Vân Canh hộ gia đình	129,45
5	TP. Quy Nhơn -Hộ gia đình	100
6	Huyện Phù Cát -Hộ gia đình	796,21
7	TX. An Nhơn -Hộ gia đình	442,03
8	Huyện Phù Mỹ - Hộ gia đình	511,38
9	Huyện Tuy Phước - Hộ gia đình	268,89
10	Huyện Tây Sơn - Hộ gia đình	1244,53

- Kế hoạch năm 2023: Tổng diện tích rừng trồng sản xuất gỗ lớn là 4.449,6 ha. Trong đó các Công ty TNHH Lâm nghiệp Hà Thanh, Quy Nhơn và Sông Kôn thực hiện trồng lại rừng sau khai thác; hộ gia đình, các nhân ở các huyện, thị xã và thành phố Quy Nhơn thực hiện chuyển hóa rừng trồng gỗ nhỏ sang gỗ lớn theo hợp đồng liên kết với Công ty Năng lượng sinh học Phú Tài và Công ty TNHH Năng lượng Sinh học Tín Nhân. Cụ thể diện tích thực hiện theo biểu dưới đây.

TT	Đơn vị thực hiện	Năm 2023
	Toàn tỉnh	4.449,60
1	Cty TNHH LN Sông Kôn	259,60
2	Cty Lâm nghiệp Hà Thanh	300,00
3	Cty Lâm nghiệp Quy Nhơn	230,00
4	Huyện Vân - Canh hộ gia đình	420,00
5	TP. Quy Nhơn -Hộ gia đình	120,00
6	Huyện Phù Cát -Hộ gia đình	320,00
7	TX. An Nhơn -Hộ gia đình	150,00
8	Huyện Phù Mỹ - Hộ gia đình	360,00
9	Huyện Tây Sơn - Hộ gia đình	1.300,00
10	Huyện Hoài Ân - hộ gia đình	490,00
11	TX. Hoài Nhơn -Hộ gia đình	400,00
12	Huyện Vĩnh Thạnh - Hộ gia đình	100,00

### 3. Chăm sóc rừng

a) Chăm sóc rừng năm 2022: Tổng diện tích 19.500 ha, trong đó: rừng trồng phòng hộ 362,8 ha, rừng trồng sản xuất 19.137,2 ha.

TT	Địa phương	Diện tích (ha)			
		Kế hoạch	Thực hiện		
			Tổng	Phòng hộ	Sản xuất
1	An Lão	1.511,2	1.511,2	30,0	1.481,2
2	Hoài Ân	2.330,2	2.330,2	26,0	2.304,2
3	Hoài Nhơn	2.300,6	2.300,6	110,0	2.190,6
4	Phù Mỹ	1.935,3	1.935,3	26,5	1.908,8
5	Phù Cát	1.320,7	1.320,7		1.320,7
6	An Nhơn	969,0	969,0		969,0
7	Quy Nhơn	1.693,0	1.693,0	111,0	1.582,0
8	Tuy Phước	956,6	956,6		956,6
9	Tây Sơn	2.452,5	2.452,5	33,0	2.419,5
10	Vĩnh Thạnh	1.389,3	1.389,3	26,3	1.363,0
11	Vân Canh	2.641,6	2.641,6		2.641,6
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.500,0</b>	<b>19.500,0</b>	<b>362,8</b>	<b>19.137,2</b>

b) Kế hoạch năm 2023: Tổng diện tích rừng chăm sóc năm 2023 là 19.498,8 ha, trong đó rừng phòng hộ 296,3 ha; rừng sản xuất 19.202,5 ha. Cụ thể:

TT	Địa phương	Diện tích (ha)		
		Tổng	Phòng hộ	Sản xuất
1	An Lão	1.511,2	30,0	1.481,2
2	Hoài Ân	2.330,2	26,0	2.304,2
3	Hoài Nhơn	2.300,6	70,0	2.230,6
4	Phù Mỹ	1.935,3		1.935,3
5	Phù Cát	1.320,7		1.320,7
6	An Nhơn	969,0		969,0
7	Quy Nhơn	1.693,0	111,0	1.582,0
8	Tuy Phước	956,0		956,0
9	Tây Sơn	2.452,5	33,0	2.419,5
10	Vĩnh Thạnh	1.389,3	26,3	1.363,0
11	Vân Canh	2.641,0		2.641,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>19.498,8</b>	<b>296,3</b>	<b>19.202,5</b>

#### 4. Khai thác rừng

a) Khai thác rừng trồng năm 2022: Kế hoạch 9.160 ha, đã khai thác được 7.720,87 ha, sản lượng 926.504 tấn. cụ thể từng địa phương như sau:

TT	Địa phương	Diện tích (ha)		Sản lượng (tấn)
		Kế hoạch	Thực hiện	
1	An Lão	800,00	1.200,00	144.000,0
2	Hoài Ân	1.696,00	1.390,27	166.832,4
3	Hoài Nhơn	892,00	324,94	38.992,8
4	Phù Mỹ	517,00	269,15	32.298,0
5	Phù Cát	660,00	667,33	80.079,6
6	An Nhơn	288,00	89,51	10.741,2
7	Quy Nhơn	300,00	250,00	30.000,0
8	Tuy Phước	185,00	130,00	15.600,0
9	Tây Sơn	879,00	599,69	71.962,8
10	Vĩnh Thạnh	343,00	390,45	46.854,0
11	Vân Canh	2.600,00	2.409,53	289.143,6
<b>Tổng cộng</b>		<b>9.160,00</b>	<b>7.720,87</b>	<b>926.504,4</b>

b) Kế hoạch năm 2023:

- Khai thác rừng trồng: Năm 2023 khai thác 8.760 ha rừng trồng, sản lượng 1.051.200 tấn gỗ các loại. trong đó, khai thác rừng trồng phòng hộ 272,0 ha; khai thác rừng trồng sản xuất khoảng 8.488,0 ha.

TT	Địa phương	Diện tích (ha)			Sản lượng (tấn)
		Kế hoạch	Phòng hộ	Sản xuất	
1	An Lão	1.200,00		1.200,00	144.000,0
2	Hoài Ân	1.515,00	15,00	1.500,00	181.800,0
3	Hoài Nhơn	668,00	68,00	600,00	80.160,0
4	Phù Mỹ	484,00	84,00	400,00	58.080,0
5	Phù Cát	668,00		668,00	80.160,0
6	An Nhơn	90,00		90,00	10.800,0
7	Quy Nhơn	300,00		300,00	36.000,0
8	Tuy Phước	130,00		130,00	15.600,0
9	Tây Sơn	891,00	91,00	800,00	106.920,0
10	Vĩnh Thạnh	314,00	14,00	300,00	37.680,0
11	Vân Canh	2.500,00		2.500,00	300.000,0
<b>Tổng cộng</b>		<b>8.760,00</b>	<b>272,00</b>	<b>8.488,00</b>	1.051.200,0

- Khai thác tận dụng rừng tự nhiên: Tổng diện tích rừng tự nhiên khai thác tận dụng là 39,11 ha. Trong đó:

+ Huyện Vĩnh Thạnh khai thác tận dụng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án Thủy điện vĩnh Sơn 4: diện tích 25,62 ha, sản lượng gỗ 1.539,8 m<sup>3</sup>;

+ Huyện Hoài Ân khai thác tận dụng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án đường cao tốc Bắc – Nam: Diện tích 12,73 ha; sản lượng khoảng 557,5 m<sup>3</sup>;

+ Huyện Phù Mỹ khai thác tận dụng diện tích chuyển mục đích sử dụng rừng để thực hiện dự án đường cao tốc Bắc – Nam: Diện tích 0,76 ha; sản lượng khoảng 33,3 m<sup>3</sup>;

### 5. Sản xuất cây giống

Kế hoạch năm 2022 sản xuất 200.000 cây giống các loại, đến ngày 30/10/2022 đã sản xuất được 192.421.000 cây; kế hoạch năm 2023 thực hiện 200 triệu cây giống các loại. Cụ thể từng địa phương như sau:

TT	Đơn vị	Sản xuất giống năm 2022	Kế hoạch năm 2023
1	Huyện Phù Mỹ	19.698.800	20.500.000
2	Huyện Hoài Ân	34.061.200	35.500.000
3	Thị xã Hoài Nhơn	34.580.000	35.000.000
4	Huyện Vĩnh Thạnh	3.870.000	4.500.000
5	TP. Quy Nhơn	2.720.000	5.500.000
6	Huyện Tây Sơn	9.792.000	10.000.000
7	Huyện Vân Canh	57.271.000	57.000.000
8	Huyện Phù Cát	10.730.000	11.000.000
9	Huyện Tuy Phước	8.698.000	9.000.000

10	Huyện An Lão	11.000.000	12.000.000
	<b>Tổng</b>	<b>192.421.000</b>	<b>200.000.000,00</b>

Chi cục Kiểm lâm kính báo cáo Sở Nông nghiệp và PTNT xem xét, quyết định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- Lãnh đạo Chi cục;
- Lưu: VT, SDPTR.

**KT.CHI CỤC TRƯỞNG**  
**PHÓ CHI CỤC TRƯỞNG**

**Lê Đức Sáu**